

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-PT
Ngày: 27 - 02 - 2023
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Thanh Xuân**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 504/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Ánh T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Từ Thị H, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Võ Thị Minh Th, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòa Trí, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2023)

2. Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Từ Thị H, Nguyễn Hùng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T trình bày: Bà có tham gia chơi hội do bà H, ông D làm chủ thảo như sau:

- Dây hội thứ 01: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H là 28D): Hội có lãi giá 3.000.000đồng, khai ngày 05/02/2019 (âm lịch), 03 tháng khai 01 lần, hội có 22 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 1.500.000 đồng. Dây hội này bà góp được 11 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 31.500.000 đồng.

- Dây hội thứ 02: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H là 19B): Hội có lãi giá 500.000đồng, bà hốt vào ngày 15/10/2019 (âm lịch), hội mỗi tháng khai 01 lần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 250.000 đồng, dây hội này bà góp được 24 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 11.750.000 đồng. Sau đó bà H, ông D trả được 8.000.000 đồng, còn thiếu lại 3.750.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hội bà H, ông D còn nợ bà số tiền 35.250.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 35.250.000 đồng, trả tiền 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Từ Thị H trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà T là đúng sự thật. Bà T có tham gia góp hội do bà và chồng là ông D làm chủ thảo.

Đến nay bà T đã góp tiền của dây hội ký hiệu 28D là 22.000.000 đồng, dây hội ký hiệu 19B bà còn nợ lại bà T là 3.750.000 đồng.

Bà thừa nhận để tạo lòng tin cho các hội viên khi rủ họ tham gia chơi các dây hội do bà làm chủ thảo, bà có thỏa thuận là sẽ: “cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hội viên chưa hốt hội (hội sống) và choàng tiền hội cho các hội viên chậm góp hội (hội chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hội để giao tiền cho hội viên hốt hội và nhận tiền hoa hồng của dây hội theo thỏa thuận” nhưng đến nay không thực hiện được cam kết này là do một phần ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19, quá nhiều các hội viên đã hốt hội không góp lại tiền hội chết theo thỏa thuận nên bà không còn khả năng choàng hội, dẫn đến phải ngưng hội nên vợ chồng bà xin trả lại số tiền đã góp hội cho

bà T là 25.750.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.0000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông, bà còn nợ bà T số tiền góp hụi là 25.750.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.0000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 162/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 226, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh T.

Buộc bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ánh T số tiền 35.250.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/9/2022, bị đơn Từ Thị H, Nguyễn Hùng D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết bao gồm: Bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D kháng cáo toàn bộ bản án số 162/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, bà H, ông D chỉ đồng ý trả số tiền là 25.750.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H, ông D về việc đồng ý trả vốn, về tính lãi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị định 19 của Chính phủ để tính lại lãi suất.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên

tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng góp hui” là có căn cứ và phù hợp.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với ông D.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Ánh T và bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D cùng thống nhất trình bày: Bà T có tham gia chơi hui do bà H và ông D làm chủ cụ thể như sau:

Dây hui thứ 1: Hui 3.000.000 đồng khai ngày 05/02/2019 âl, hui 03 tháng khai một lần (dây hui này được bà H ký hiệu là 28D). Hui gồm 22 phần, bà T tham gia một phần và đóng được 11 kỳ thì hui bể, bà T đóng được số tiền vốn là 22.000.000 đồng. Bà T yêu cầu ông D, bà H trả theo hui mãi với số tiền là 33.000.000 đồng, bà trừ tiền hoa hồng cho bà H, ông D 1.500.000 đồng còn lại 31.500.000 đồng.

Dây hui thứ 2: Hui 500.000 đồng khai ngày 15/10/2019 âl (dây hui này được bà H ký hiệu là 19B), hui mỗi tháng khai một lần, gồm 25 phần bà T tham gia một phần và đóng được 24 lần, bà T hốt hui mãi. Sau khi trừ hoa hồng số tiền bà T hốt được là 11.750.000 đồng nhưng bà H, ông D chỉ trả được 8.000.000 đồng, còn nợ lại 3.750.000 đồng.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà H, ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hui là 35.250.000 đồng. Ông D, bà H không đồng ý kháng cáo xin được trả vốn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo và nội dung kháng cáo của bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bà Nguyễn Ánh T, bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D đều thống nhất dây hui 3.000.000 đồng khai ngày 05/02/2019 âl bà H và ông D không duy trì đến mãi mà hui này bị bể do một số hui viên sau khi hốt hui không thực hiện nghĩa vụ đóng lại hui chết. Trong dây hui này bà T đóng được 11 kỳ, bà T, bà H và ông D thống nhất mỗi kỳ tiền lãi là 1.000.000 đồng, lời trình bày này của các đương sự phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 05B). Như vậy số tiền bà T thực đóng cho bà H, ông D là 22.000.000 đồng. Án sơ thẩm nhận định hui có lãi và buộc bà H, ông D trả cho bà T theo hui mãi là chưa phù hợp mà cần căn cứ vào khoản 1 điều 21 Nghị định số 19/2019/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường để tính lãi trên số tiền vốn mà bà T đã góp cho bà H, ông D theo từng thời gian đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất

1,66%/tháng. Tổng số tiền lãi được tính của dây hụi này là 9.064.550 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi bà H, ông D có nghĩa vụ trả cho bà T trong dây hụi này là 31.064.550 đồng.

[3.2] Đối với dây hụi 500.000 đồng, khai ngày 15/10/2019 al, bà T, bà H, ông D thống nhất số tiền bà T hốt khi hụi mãn sau khi trừ hoa hồng là 11.750.000 đồng, sau đó bà H, ông D đã trả được 8.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 3.750.000 đồng là có căn cứ và phù hợp. Tại tòa hôm nay bà T không yêu cầu tính lãi của số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Như vậy, tổng số tiền của hai dây hụi bà H và ông D có nghĩa vụ trả cho bà T là 34.814.550 đồng.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H, ông D là có cơ sở một phần, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H, ông D, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà H, ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 309, khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 162/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh T.

Buộc bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ánh T số tiền là 34.814.550 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí cho ông Nguyễn Hùng D và bà Từ Thị H. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp 918.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016528 ngày 01/8/2022 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, còn hoàn lại cho bà T số tiền là 618.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Ánh T yêu cầu thi hành án, nếu bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh